TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 99/2017/HS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Tiến Công;

- Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/HS-ST ngày 25 tháng 8năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 98/2017/HSST- QĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện S, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Khu hành chính 4, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ Nguyễn Hữu H, mẹ đẻ Phạm Thị L; vợ là Phạm Thị Phương N (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 63/2011/HSPT ngày 16/6/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội: "Đánh bạc"; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu Hành chính 7, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lộc Thế A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Khu hành chính 4, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Hữu P bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2011 do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên Nguyễn Hữu P nảy sinh ý định thuê xe ô tô rồi đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Khoảng 09 giờ ngày 15/8/2011, P một mình đi bộ từ nhà ở KHC 4, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên đến nhà anh Đặng Văn M để thuê xe ô tô tự lái. Khi đến nhà anh M thì P đặt vấn đề thuê xe ô tô của anh M với mục đích đi làm ăn thì anh M đồng ý cho P thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu sơn bạc, BKS: 30Z – 8412 trong thời gian 30 ngày, tiền thuê xe là 400.000đ/1 ngày, 10 ngày thì P phải thanh toán tiền thuê xe một lần cho anh M. P đồng ý và đặt lại cho anh M 01 giấy phép lái xe ô tô của P để làm tin. Sau khi kí hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, anh M giao chiếc xe ô tô trên cho P cùng giấy tờ kèm theo gồm: 01 đăng ký xe ô tô (bản phô tô), BKS: 30Z – 8412 mang tên Nguyễn Văn Đ và 01 sổ kiểm định xe ô tô, BKS: 30Z – 8412. Sau khi nhận xe ô tô thì P điều khiển xe ô tô ra khỏi nhà anh M rồi gọi điện thoại cho anh Lộc Thế A mục đích cầm cố chiếc xe ô tô vừa thuê được của anh M cho Thế A và vay số tiền 350.000.000đ, Thế A đồng ý, hẹn P ra quán cafe Sự ở phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để giao tiền và giao xe. Sau đó, P điều khiển xe ô tô đến quán cafe Sự để gặp anh Thế A. Tại đây, P và Thế A viết giấy vay tiền với nội dung: P vay của anh Thế A số tiền 350.000.000đ trong thời hạn 20 ngày (tính từ ngày 15/8/2011) và P để lại xe ô tô, BKS: 30Z – 8412 cùng 01 giấy đăng ký xe ô tô (bản phô tô) mang tên Nguyễn Văn Đ, 01 sổ đăng kiểm xe ô tô, BKS: 30Z – 8412 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu P cho Thế A để làm tin. Tuy nhiên, P hẹn khoảng 2, 3 ngày sau sẽ đưa chứng minh nhân dân cho Thế A. Sau khi thỏa thuận xong, anh Thế A đưa 350.000.000đ cho P, P đã dùng số tiền trên để tiêu sài cá nhân và trả nợ hết dẫn đến không có khả năng chuộc xe ô tô để trả cho anh M như đã hẹn. Sau đó P đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Về vật chứng:

- Ngày 30/9/2011, anh M giao nộp 01 hợp đồng thuê xe ô tô và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Ngày 10/10/2011, anh M giao nộp: 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Hữu P, 01 giấy bán xe do Nguyễn Văn Đ viết và 01 hợp đồng thuê xe ô tô do Nguyễn Hữu P kí nhận.

- Ngày 19/10/2011, anh Lộc Thế A giao nộp: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, Vios màu sơn bạc, BKS: 30Z – 8412 và 01 đăng ký xe ô tô (bản phô tô) BKS: 30Z – 8412 mang tên Nguyễn Văn Đ.

- Ngày 25/10/2011, anh Lộc Thế A giao nộp: 01 sổ chứng nhận kiểm định xe ô tô, BKS: 30Z – 8412 và 01 giấy vay tiền do Nguyễn Hữu P viết đề ngày 15/8/2011.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 18/5/2012, Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe ô tô trên cùng 01 giấy đăng ký xe ô tô (bản phô tô) và 01 sổ chứng nhận kiểm định xe ô tô, BKS: 30Z – 8412 cho anh M, anh M đã nhận lại tài sản và yêu cầu Nguyễn Hữu P phải bồi thường cho anh số tiền 108 triệu đồng là tiền thuê xe ô tô 09 tháng (từ ngày 15/8/2011 đến ngày 18/5/2012) theo giá thuê xe thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe với P, vì bị cơ quan điều tra thu giữ nên anh M không kinh doanh được.

- Anh Lộc Thế A yêu cầu Nguyễn Hữu P phải trả cho anh số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà anh đã cho P vay.

Tại bản kết luận định giá số 48/KL – HĐĐG ngày 27/4/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên kết luận: trị giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu sơn bạc, BKS: 30Z – 8412 (xe đã qua sử dụng) là 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Tại Cáo trạng số: 94/KSĐT-KT ngày 25/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Hữu P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại anh Đặng Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn trình bày: Anh đã nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu sơn bạc, BKS: 30Z – 8412 vào ngày 18/5/2012 còn tiền thuê xe đến ngày 11/9/2017 gia đình bị cáo P đã thanh toán đầy đủ cho anh số tiền bị cáo thuê xe nay anh không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường thêm khoản gì khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu P (bút lục 121, 122).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Thế A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày: Ngày 11/9/2017 gia đình Nguyễn Hữu P đã thanh toán đầy đủ số tiền mà anh cho bị cáo vay, nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì khác và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu P (bút lục 127, 128).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Tổng hợp với 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 63/HSPT ngày 16/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 01 tháng đến 04 năm 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/6/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2011 đến ngày 31/5/2011 của Bản án số 63/HSPT ngày 16/6/2011. Ngoài ra còn đề nghị xác nhận bồi thường dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu P tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 15/8/20011, tại nhà anh Đặng Văn M ở khu 7, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Hữu P có hành vi gian dối thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Vios, màu sơn bạc,

BKS30Z – 8412 có trị giá 480.000.000đ để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh M.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu P đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" , tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 đến 15 năm tù.

Xét tính chất của vụ án rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Hữu P là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà lại dùng thủ đoạn gian dối để lừa người khác cho thuê xe để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội đánh bạc. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự "tái phạm". Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại Điều 51 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại để khắc phục hậu quả. Đây là ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Mặt khác, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, thì những tình tiết có lợi cho người phạm tội được áp dụng kể từ ngày 05/7/2017. Trong vụ án này bị cáo P có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do bị cáo bị áp dụng một tình tiết tăng nặng nhưng được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử dưới khung hình phạt mà điều luật quy định cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là cơ hội để bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục sớm trở về gia đình và xã hội.

Đối với Lộc Thế A là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô, BKS: 30Z – 8412 do P chiếm đoạt của anh M. Quá trình điều tra xác định Thế A không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng được sử dụng vào việc phạm tội hiện đã hết hạn lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47; khoản 5 Điều 60; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Hữu P 03 (ba) năm tù, tổng hợp với 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 63/HSPT ngày 16/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/6/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/3/2011 đến ngày 31/5/2011 của Bản án số 63/HSPT ngày 16/6/2011.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Hữu P (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/9/2017).

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng